

Số: 1028/HD-SXD

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 9 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 703/2017/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt đề án Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020;

Sở Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá trị vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng công trình như sau:

1. Nguyên tắc xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng

a) Từ bước lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình trình phê duyệt, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát giá vật liệu xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình căn cứ vào địa điểm công trình, nơi cung cấp vật tư, báo giá của nhà sản xuất, các đại lý phân phối, giá đã được áp dụng cho công trình khác có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự hoặc hóa đơn chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

Đồng thời, căn cứ yêu cầu của thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình, chất lượng sản phẩm hàng hóa để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình, đảm bảo tính cạnh tranh; ưu tiên sử dụng các sản phẩm có quy cách, thông số kỹ thuật và chất lượng tương đương của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và trong nước sản xuất.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp lý, chính xác của giá vật tư, vật liệu, thiết bị trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

2. Thành phần hồ sơ xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng

Hồ sơ xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng bao gồm các thành phần sau:

a) Biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình.

b) Sơ đồ cung cấp vật liệu: Phải thể hiện đầy đủ vị trí các nguồn cung cấp vật liệu, vị trí công trình, hướng tuyến, cự ly vận chuyển... Đối với các công trình trải dài theo tuyến (thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, đường điện...) phải có bình đồ tuyến, sơ đồ trắc dọc tuyến.

c) Bảng tính giá vật liệu đến hiện trường xây dựng.

3. Biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình.

Nội dung chính của biên bản khảo sát vật liệu xây dựng bao gồm:

a) Thành phần tham gia khảo sát xác định cự ly vận chuyển vật liệu đến hiện trường xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình: Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.

b) Tên các loại vật liệu xây dựng cần tính toán, xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng.

c) Nguồn vật liệu: Nơi sản xuất, khai thác hoặc nơi bán tập trung.

Các nguồn cung cấp vật liệu cho công trình được xác định trên nguyên tắc lấy ở mỏ gần nhất, có giá thành phù hợp. Trường hợp các mỏ gần công trình không đáp ứng được yêu cầu của công trình phải nêu rõ lý do.

d) Cự ly vận chuyển và cấp đường từ nơi cung cấp đến hiện trường xây dựng: Nêu rõ cự ly vận chuyển, tên đường, cấp đường theo các quyết định phân cấp đường của UBND tỉnh, của Bộ GTVT đối với từng loại vật liệu.

e) Loại hình vận chuyển tương ứng với các cự ly khác nhau: Nêu rõ loại hình vận chuyển bằng ô tô, ngựa thồ, xe máy hay gánh bộ...

f) Điều kiện địa hình: Nêu rõ đường bằng, đường gồ ghề...(đối với vận chuyển bằng các phương tiện thủ công).

g) Giá vật liệu chưa có thuế giá trị gia tăng tại nơi sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (nêu rõ tên cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng) kèm theo báo giá vật liệu tại nguồn cung cấp (giá bán trên phương tiện vận chuyển tại nơi sản xuất, kinh doanh).

- Đối với sản phẩm vật liệu xây dựng thông thường được sản xuất công nghiệp và đã là hàng hóa phổ biến trên thị trường, chủ đầu tư phải thu thập tối thiểu 03 báo giá của các nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối trên thị trường; giá đã được áp dụng cho công trình khác có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự hoặc hóa đơn chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính để làm cơ sở lựa chọn về giá đối với mỗi sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm.

- Đối với các loại vật liệu xây dựng được khai thác tại mỏ hoặc mua tại các bến bãi tập kết vật liệu xây dựng thì chủ đầu tư lấy báo giá của cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh.

Đối với các công trình trải dài theo tuyến cần xác định theo hạng mục, từng tuyến cụ thể.

4. Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng

Giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo công thức:

$$G^{vl} = G^{ng} + C^{v/c} + C^{bx}$$

Trong đó:

- G^{ng} : Giá vật liệu tại nguồn cung cấp (giá vật liệu trên phương tiện vận chuyên);

- $C^{v/c}$: Chi phí vận chuyển đến công trình (bao gồm chi phí vận chuyển bằng ô tô; chi phí vận chuyển bằng xe máy; chi phí vận chuyển bằng ngựa thồ; chi phí vận chuyển bằng kéo máng; chi phí vận chuyển bằng gánh bộ...) tùy theo điều kiện cụ thể thi công từng công trình.

- C^{bx} : Chi phí bốc xếp (nếu có);

4.1. Giá vật liệu tại nguồn cung cấp: Theo biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn xác định.

4.2. Chi phí vận chuyển đến công trình:

a) Vận chuyển vật liệu bằng phương tiện vận tải (ô tô):

- Tên vật liệu, nguồn cung cấp vật liệu; cự ly vận chuyển: Theo biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn xác định.

- Giá và phương pháp tính cước vận chuyển: Thực hiện theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hoặc có thể áp dụng theo đơn giá xây dựng công trình công bố kèm theo Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh.

Biểu xác định chi phí vận chuyển vật liệu bằng phương tiện vận tải (ô tô) theo phụ lục số 01 đính kèm.

b) Vận chuyển bằng các phương tiện thủ công, phương tiện khác.

- Vận chuyển vật liệu bằng xe máy, ngựa thồ, kéo máng:

+ Cự ly vận chuyển, điều kiện địa hình: Theo biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn xác định.

+ Giá cước vận chuyển: theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

+ Các tổ chức, cá nhân phải tính toán, diễn giải chi tiết đối với từng loại hình vận chuyển cụ thể.

- Vận chuyển vật liệu bằng gánh bộ:

+ Cụ ly vận chuyển, điều kiện địa hình: Theo biên bản khảo sát vật liệu xây dựng và điều kiện tổ chức thi công của công trình do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn xác định.

+ Phương pháp tính toán: Theo quy định tại Văn bản số 422-UB/KTXD ngày 09/6/1971 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước về việc ban hành định mức lao động trong XDCB tập I.

Đối với chi phí nhân công tính vận chuyển gánh bộ: Áp dụng cấp bậc nhân công bậc 2/7, nhóm I của công nhân trực tiếp sản xuất ban hành kèm theo quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Bảng tổng hợp chi phí vận chuyển vật liệu bằng các phương tiện khác theo phụ lục số 02 đính kèm

4.3. Chi phí bốc xếp (nếu có) phải được tính toán diễn giải cụ thể trên cơ sở định mức của nhà nước và các chế độ chính sách về tiền lương hiện hành.

Bảng tổng hợp giá vật liệu đến hiện trường xây dựng theo phụ lục số 03 đính kèm.

4.4. Các văn bản nêu ở trên luôn thay đổi theo từng thời kỳ, vì vậy các tổ chức, cá nhân cần cập nhật thường xuyên để phục vụ cho việc xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh hoặc nội dung không phù hợp theo quy định thì các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu và điều chỉnh cho phù hợp. /

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, KT&VLXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Thúy

Phụ lục số 01

**BIỂU XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU BẢNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
TÊN CÔNG TRÌNH (HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH):
(Căn cứ theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017)**

Số tt	Loại vật liệu	Đơn vị	Nguồn mua	Trọng lượng đơn vị (tấn)	Bậc hàng	Hệ số bậc hàng	Loại phương tiện	Cước phương tiện cộng thêm	Cự ly	Cấp đường	Cước vận chuyển chưa thuế	Cước khác (nếu có)	Tổng cước chưa có thuế (đồng)
1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.	11.	12.	13.	14.
1.	Cát vàng												
2.	Cát xây												
3.	Cát trát												
4.	...												

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU BẢNG CÁC PHƯƠNG TIỆN KHÁC
TÊN CÔNG TRÌNH (HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH):

(*Tính cho 1 đơn vị khối lượng vật liệu - chưa có thuế VAT*)

Số TT	Loại vật liệu	Đơn vị	Vận chuyển bằng xe máy	Vận chuyển bằng ngựa thồ	Vận chuyển bằng kéo mãng	Vận chuyển bằng gánh bộ	Chi phí vận chuyển
1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
1.	Cát vàng						
2.	Cát xây						
3.	Cát trát						
4.	Đá 1x2						
5.							

Ghi chú:

- Cột 4, 5, 6: Tính theo qui định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND.
- Cột 7: Tính theo qui định tại Văn bản số 442-UB/KTXD.
- Cột 8: Tổng của cột 4 đến cột 7.

Phụ lục số 03

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VẬT LIỆU ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH (HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH):.....
(Tính cho 1 đơn vị khối lượng vật liệu - chưa có thuế VAT)**

Số TT	Loại vật liệu	Đơn vị	Giá vật liệu (tại nơi sx, khai thác hoặc nơi bán tập trung)	Vận chuyển bằng phương tiện vận tải	Vận chuyển bằng phương tiện khác	Chi phí bốc xếp (nếu có)	Giá vật liệu đến hiện trường xây dựng (đồng)
1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
1.	Cát bê tông						
2.	Cát xây						
3.	Cát trát						
4.	Sỏi....						
5.							

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)